

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 06 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng ngày 18/12/2021;
- Kết quả biểu quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 01 tháng 06 năm 2024.



QUYẾT NGHỊ:

Ngày 01 tháng 06 năm 2024, tại Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật TP.HCM, số 224 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM, Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Chíp Sáng được tổ chức với sự tham gia của 100 cổ đông sở hữu 3.566.460 cổ phần chiếm 51,58 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

Với các chỉ tiêu thực hiện chủ yếu như sau:

Kết quả năm 2023, báo cáo Riêng:

- Doanh thu: 9.153.259.422 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 13.418.379.364 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 13.067.318.937 đồng.

Kết quả năm 2023, báo cáo Hợp nhất:

- Doanh thu: 9.153.259.422 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 9.914.702.330 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 9.563.641.903 đồng.

Đồng ý:3.566.460.....cổ phần, tỷ lệ: 100%

Không đồng ý: cổ phần, tỷ lệ:%

Không có ý kiến & ý kiến khác: cổ phần, tỷ lệ:%

Điều 2: Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập năm 2024.

ĐHĐCĐ đồng ý ủy quyền cho HĐQT chọn một trong danh sách năm (05) công ty kiểm toán cho năm tài chính 2024, trong tờ trình số 2.

Đồng ý: ...3.566.460.....cổ phần, tỷ lệ: 100%

Không đồng ý: cổ phần, tỷ lệ:%

Không có ý kiến & ý kiến khác: cổ phần, tỷ lệ:%

Điều 3: Thông qua báo cáo về kết quả kinh doanh năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị.

Đồng ý:3.566.460.....cổ phần, tỷ lệ: 100%

Không đồng ý: cổ phần, tỷ lệ:%

Không có ý kiến & ý kiến khác: cổ phần, tỷ lệ:%

Điều 4: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024.

Đồng ý:3.566.460.....cổ phần, tỷ lệ: 100%

Không đồng ý: cổ phần, tỷ lệ:%

Không có ý kiến & ý kiến khác: cổ phần, tỷ lệ:%

Điều 5: Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 và trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024 .

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua:

Kế hoạch kinh doanh (Hợp nhất) năm 2024

- Doanh thu thuần: 9.800.000.000 đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: 8.100.000.000 đồng.

Trích thưởng vượt kế hoạch 10% trên phần vượt lợi nhuận sau thuế năm 2024.

Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 5% trên lợi nhuận sau thuế năm 2024.

Đồng ý:3.566.460.....cổ phần, tỷ lệ: 100%

Không đồng ý: cổ phần, tỷ lệ:%

Không có ý kiến & ý kiến khác: cổ phần, tỷ lệ:%

Điều 6: Thông qua quỹ thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, thư ký năm 2024.

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua:

Quỹ thù lao năm 2023: 199.999.000 đồng trên ngân sách được duyệt là 200.000.000 đồng.

Quỹ thù lao năm 2024: 300.000.000 đồng.

Đồng ý:3.566.460.....cổ phần, tỷ lệ: 100%

Không đồng ý: cổ phần, tỷ lệ:%

Không có ý kiến & ý kiến khác: cổ phần, tỷ lệ:%

Điều 7: Chi trả cổ tức bằng tiền năm 2023 và dự kiến cổ tức năm 2024.

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua:

Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 4%. Thời gian chi trả trong quý 3 năm 2024.

Cổ tức năm 2024 bằng tiền, dự kiến không thấp hơn 5% trên lợi nhuận sau thuế năm 2024.

Đồng ý:3.566.460.....cổ phần, tỷ lệ: 100%

Không đồng ý: cổ phần, tỷ lệ:%

Không có ý kiến & ý kiến khác: cổ phần, tỷ lệ:%

Điều 8: Thông qua tờ trình trích lập quỹ dự phòng tài chính cho năm 2023.

ĐHĐCĐ nhất trí thông qua:

Trích lập dự phòng 5% tương đương 155.000.000 đồng trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 là 3.100.000.000 đồng (báo cáo Riêng)

Đồng ý:3.566.460.....cổ phần, tỷ lệ: 100%

Không đồng ý: cổ phần, tỷ lệ:%

Không có ý kiến & ý kiến khác: cổ phần, tỷ lệ:%

Điều 9: Điều khoản thi hành

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chíp Sáng nhất trí thông qua toàn văn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chíp Sáng thống nhất giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội;
- HĐQT, B.KS, B.GĐ;
- CBTT Website Công ty;
- Lưu Thư ký HĐQT.



PHẠM NGỌC TUẤN



BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

- **Tên Công ty** : Công ty Cổ phần Chíp Sáng
- **Mã chứng khoán** : CCS
- **Trụ sở chính** : Lô T2-4, Khu Công Nghệ Cao, Đường D1, Phường Hiệp Phú, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- **Website** : Chipsang.vn
- **Điện thoại** : (028) 39301964
- **Mã số doanh nghiệp** : 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 24 tháng 05 năm 2006 và thay đổi lần thứ 13 vào ngày 08 tháng 08 năm 2022.
- **Thời gian** : 9 giờ 00, thứ Bảy, ngày 01 tháng 06 năm 2024
- **Địa điểm** : Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật TP.HCM – Hội trường Lầu 2 – 224 Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.HCM.

PHẦN I

THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Hội đồng Quản trị

- Ông Phạm Ngọc Tuấn Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông Đặng Duy Hợp Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc
- Ông Phạm Trung Kiên Thành viên Hội đồng Quản trị
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng Thành viên Hội đồng Quản trị
- Ông Vũ Thái Hà Thành viên Hội đồng Quản trị

2. Ban Kiểm soát

- Bà Lê Thị Anh Đào Trưởng Ban Kiểm soát

- Ông Ngô Quốc Hùng Thành viên Ban Kiểm soát
- Ông Tấn Lộc Louis Thành viên Ban Kiểm soát

3. Và các Quý Cổ đông của Công ty (được xác định theo danh sách Cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng 26/04/2024 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp)

PHẦN II

GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu:

Bà Lê Thị Anh Đào – Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát, Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu trình bày Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu:

- Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 26/04/2024, sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.
- Cổ đông tham dự Đại hội: 100 cổ đông và đại diện cổ đông (có mặt lúc 09 giờ 30 phút), sở hữu và đại diện sở hữu cho 3.566.460 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 51,58 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội

Ông Vũ Thái Hà – Trình Đại hội thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.

3. Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn:

- Ông Phạm Ngọc Tuấn Chủ tịch HĐQT Chủ tọa
- Ông Đặng Duy Hợp Thành viên HĐQT Thành viên
- Ông Vũ Thái Hà Thành viên HĐQT Thành viên

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa.

4. Thông qua nhân sự Ban Kiểm phiếu:

- Ông Ngô Quốc Hùng Trưởng Ban
- Ông Tấn Lộc Louis Thành viên

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu

5. Thông qua nhân sự Thư ký đoàn:

- Ông Tấn Lộc Louis Thư ký Đại hội
- Bà Huỳnh Thị Cẩm Thu Thư ký Đại hội

6. Thông qua Chương trình Nghị sự của Đại hội

Ông Vũ Thái Hà – Trình bày Chương trình Nghị sự của Đại hội.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua chương trình Nghị sự của Đại hội.

PHẦN III

NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Nội dung 01: Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2023 và tình hình tài chính năm 2023.

Người trình bày: Ông Đặng Duy Hợp – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Nội dung 02: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023.

Người trình bày: Bà Lê Thị Anh Đào – Trưởng Ban Kiểm soát

Nội dung 03: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng.

Người trình bày: Ông Phạm Ngọc Tuấn – Chủ tịch HĐQT

Nội dung 04: Thông qua tờ trình báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm 2023 - đã kiểm toán.

Người trình bày: Ông Vũ Thái Hà – Thành viên HĐQT

Nội dung 05: Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2024.

Người trình bày: Ông Vũ Thái Hà – Thành viên HĐQT

Nội dung 06: Thông qua tờ trình báo cáo kết quả kinh doanh riêng và hợp nhất năm 2023.

Kết quả kinh doanh năm 2023 – Báo cáo riêng:

Doanh thu:	9.153.259.422 đồng
Lợi nhuận trước thuế:	13.418.379.364 đồng
Lợi nhuận sau thuế:	13.067.318.937 đồng

Kết quả kinh doanh năm 2023 – Báo cáo hợp nhất

Doanh thu:	9.153.259.422 đồng
Lợi nhuận trước thuế:	9.914.702.330 đồng
Lợi nhuận sau thuế:	9.563.641.903 đồng

Người trình bày: Ông Vũ Thái Hà – Thành viên HĐQT

Nội dung 07: Thông qua tờ trình kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2024 và trích quỹ phúc lợi cho phần vượt kế hoạch năm 2024.

Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2024:

- Doanh thu thuần: 9.800.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 8.100.000.000 đồng

Trích thưởng vượt kế hoạch 10% trên phần vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2024.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 là 5% trên lợi nhuận sau thuế.

Người trình bày: Ông Vũ Thái Hà – Thành viên HĐQT

Nội dung 08: Thông qua tờ trình quỹ thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký đã chi trong năm 2023 và xin ý kiến quỹ thù lao HĐQT, BKS và Thư ký năm 2024.

Quỹ thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký năm 2023 đã chi là: 199.999.000 đ (một trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn đồng) trên ngân sách được duyệt là 200.000.000 đồng.

Mức đề xuất Quỹ thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký năm 2024 là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)

Người trình bày: Ông Vũ Thái Hà – Thành viên HĐQT

Nội dung 09: Thông qua tờ trình việc chi trả cổ tức năm 2023.

- Hình thức trả cổ tức: trả cổ tức bằng tiền.
- Tỷ lệ trả cổ tức (dự kiến): 4%/cổ phần.
- Thời gian chi trả: trong quý 3 năm 2024
- Nguồn vốn để thực hiện chi trả: nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của báo cáo tài chính riêng năm 2023 (đã được kiểm toán).

Người trình bày: Ông Vũ Thái Hà – Thành viên HĐQT

Nội dung 10: Thông qua tờ trình việc trích quỹ dự phòng tài chính cho năm 2023

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 (báo cáo riêng): 3.100.000.000 đ.
- Mức đề xuất trích quỹ dự phòng: 5% với số tiền tương đương: 155.000.000 đ (một trăm năm mươi lăm triệu đồng)

Người trình bày: Ông Vũ Thái Hà – Thành viên HĐQT

Nội dung 11: Bổ sung trình ĐHCĐ kế hoạch chi cổ tức bằng tiền năm 2024, dự kiến tối thiểu là 5% trên lợi nhuận sau thuế năm 2024

Người trình bày: Ông Vũ Thái Hà – Thành viên HĐQT

PHẦN IV

BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua các nội dung như sau:

Nội dung 01: Báo cáo tình hình hoạt động của HĐQT năm 2023 và tình hình tài chính năm 2023.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 100	- Số cổ phần: 3.566.460	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 1 đã được thông qua.

Nội dung 02: Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 100	- Số cổ phần: 3.566.460	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 2 đã được thông qua.

Nội dung 03: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty TNHH Sacom – Chíp Sáng.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 100	- Số cổ phần: 3.566.460	Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 3 đã được thông qua.

Nội dung 04: Thông qua tờ trình báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm 2023 - đã kiểm toán.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 100	- Số cổ phần: 3.566.460	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 4 đã được thông qua.

Nội dung 05: Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2024.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 100	- Số cổ phần: 3.566.460	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 5 đã được thông qua.

Nội dung 06: Thông qua tờ trình báo cáo kết quả kinh doanh riêng và hợp nhất năm 2023.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 100	- Số cổ phần: 3.566.460	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:.....% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 6 đã được thông qua.

Nội dung 07: Thông qua tờ trình kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2024 và trích quỹ phúc lợi cho phần vượt kế hoạch năm 2024.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 100	- Số cổ phần: 3.566.460	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 7 đã được thông qua.

Nội dung 08: Thông qua tờ trình quỹ thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký đã chi trong năm 2023 và xin ý kiến quỹ thù lao HĐQT, BKS và Thư ký năm 2024.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 100	- Số cổ phần: 3.566.460	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 8 đã được thông qua.

Nội dung 09: Thông qua tờ trình việc chi trả cổ tức năm 2023.

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 100	- Số cổ phần: 3.566.460	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 9 đã được thông qua.

Nội dung 10: Thông qua tờ trình việc trích quỹ dự phòng tài chính cho năm 2023

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 100	- Số cổ phần: 3.566.460	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: % CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 10 đã được thông qua.

Nội dung 11: Bổ sung trình ĐHĐCĐ kế hoạch chi cổ tức bằng tiền năm 2024, dự kiến tối thiểu là 5% trên lợi nhuận sau thuế năm 2024

Số phiếu tán thành: 100	- Số cổ phần: 3.566.460	- Tỷ lệ: 100% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ: % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ:	- Số cổ phần:	- Tỷ lệ:% CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 11 đã được thông qua.

PHẦN V

Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ GIẢI ĐÁP CỦA ĐOÀN CHỦ TỌA

1/ Ý kiến các Cổ đông

Cổ đông 111 :

- Kết quả đạt được quá tốt, số liệu rõ ràng.
- Chúng tôi biết ơn đến HĐQT và BGD Công ty.
- Tương lai vẫn mong giữ được nhiệt huyết như hôm nay.
- Thù lao HĐQT phải phù hợp với công sức, không nên duy trì mức chi như hiện nay.

Cổ đông 215:

- Cty đầu tư tài chính, trái phiếu nhưng thị trường trái phiếu đang có nhiều bất ổn
- Danh mục đầu tư cụ thể như thế nào?

Cổ đông 059:

- Cổ gắng có những kết quả tốt hơn nữa trong tương lai.
- Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng trước khi chia lợi nhuận có giữ khoản đầu tư phát triển.
- 2025 – 2026 hướng đầu tư phát triển như thế nào?

2/Phần giải đáp của Chủ tọa đoàn

- Tòa nhà liên doanh SCS tỷ lệ của Chíp sáng chỉ có trên 26% , Chủ tịch và Trưởng B.KS là do Chíp Sáng đề cử, TGD và KTT là do Sacom đề cử. Dự kiến trong 5 năm tới vẫn phát triển ổn định, dưới sự quản lý và giám sát chắc chắn của Ban lãnh đạo Chíp Sáng và ban lãnh đạo Sacom.
- Chíp Sáng đầu tư trái phiếu có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng tiên phong. Tiền gửi tại các tổ chức có uy tín như VCB, Viettin banks, Bảo Việt.
- Cuối năm 2025 là hết thời hạn thuê tòa nhà 253 ĐBP, Ban lãnh đạo Chíp Sáng đang làm việc với bên SCID để tiếp tục gia hạn.
- Năm 2023 SCS đang giữ khoản đầu tư phát triển khá lớn nhưng không sử dụng và khoản này đã hoàn nhập lãi.
- Đầu năm 2024 Ban điều hành đang tìm đầu tư văn phòng cho thuê và hiện tại quỹ khấu hao đang giữ là khá lớn.

PHẦN VI

THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

Ông Tấn Lộc Louis – Ban Thư ký đọc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 với 100% số phiếu tán thành.

Đại hội kết thúc hồi 11 giờ 35 phút cùng ngày.

TM. BAN THƯ KÝ


Tấn Lộc Louis

Huỳnh Thị Cẩm Thu


CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

PHẠM NGỌC TUẤN





CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG
ĐT: (028) 3930 1964 – Website: www.chipsang.vn

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TP. HỒ CHÍ MINH, ngày 01 tháng 06 năm 2024



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

(Bắt đầu lúc 09:00, Thứ Bảy ngày 01 tháng 06 năm 2024)

Thời gian	Nội dung
8:30 – 9:00	Đón khách và kiểm tra tư cách cổ đông: Kiểm tra tư cách đại biểu;
9:00 – 9:20	Khai mạc Đại hội: - Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội. - Tuyên bố khai mạc. - Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm phiếu trình Đại hội biểu quyết. - Thông qua Quy chế làm việc. - Thông qua chương trình Đại hội.
9:20 – 09:50	Các Báo cáo trình Đại hội - Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2023 và định hướng năm 2024. - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023. - Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 của Công ty TNHH Sacom – Chip Sáng.
09:50 – 10:05	Các tờ trình Đại hội - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm 2023 - đã kiểm toán. - Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2024. - Tờ trình thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh riêng và hợp nhất năm 2023. - Tờ trình thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2024 và trích quỹ phúc lợi cho phần vượt kế hoạch năm 2024. - Tờ trình thông qua quỹ thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký đã chi trong năm 2023 và xin ý kiến quỹ thù lao HĐQT, BKS và Thư ký năm 2024. - Tờ trình thông qua việc chi trả cổ tức năm 2023. - Tờ trình thông qua việc trích quỹ dự phòng tài chính cho năm 2023.
10:05 – 10:25	Nghỉ giải lao
10:25 – 11:15	Đại hội thảo luận
11:15 – 11:25	Biểu quyết thông qua
11:25 - 11:40	Ban Thư Ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ.
11:40 – 11:45	Tuyên bố bế mạc Đại hội.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 06 năm 2024

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng Quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên của Công ty Cổ phần Chíp Sáng diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của HĐQT thể hiện ý chí thống nhất của HĐQT, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Chíp Sáng và khách mời tham dự HĐQT thường niên Công ty Cổ phần Chíp Sáng đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp HĐQT thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 4. Điều kiện Cổ đông tham dự Đại hội

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty theo danh sách chốt tại ngày 26/04/2024 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

Điều 5. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong Ban Tổ chức (BTC) Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*)

Điều 6. Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Đại biểu đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho đại biểu đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.
- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị (HĐQT) chủ trì.
- Đoàn chủ tọa gồm 03 - 05 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 02 - 04 Thành viên. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
- Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền hoãn họp ĐHĐCĐ ngay cả trong trường hợp đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - Điều khiển Đại Hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại Hội thông qua.

- Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội.
 - Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết.
 - Giới thiệu thành phần Đoàn chủ tọa để Đại hội biểu quyết (nếu có).
 - Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
 - Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
 - Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại hội.
 - Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.
 - Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
- Nguyên tắc làm việc của Chủ tọa đoàn: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình. Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Chủ tọa giới thiệu.
- Nhiệm vụ:
 - Kiểm tra tư cách cổ đông và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành.
 - Phối hợp với Ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 9. Thư ký Đại hội

Thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa.

- Nhiệm vụ:
 - Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định.
 - Ghi chép Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 02 người.
- Nhiệm vụ:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

11.1. Nguyên tắc

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ.
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận.
- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:
 - Đại biểu có thể đặt câu hỏi tại mục Thảo luận.
 - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

11.2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 12. Thảo luận, biểu quyết tại Đại hội

12.1 Nguyên tắc

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai.
- Thẻ biểu quyết được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

12.2 Hình thức biểu quyết

- Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; báo cáo hoạt động của HĐQT, BDH, BKS; Biểu quyết thông qua nội dung các tờ trình tại Đại hội; Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

12.3 Cách thức biểu quyết

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều 12.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tịch. Trường hợp Đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu

quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.

12.4 Thẻ lệ biểu quyết

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 26/04/2024) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 6.915.019 cổ phần tương đương với 6.915.019 quyền biểu quyết.
Đối với hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Người được ủy quyền dự họp tại cuộc họp ĐHĐCĐ, quyết định sẽ được thông qua khi có từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội, quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có từ 50% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội.
- Lưu ý:
 - Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
 - Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

12.5 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này.
- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ**
 - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết.
 - Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định vào phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

12.6 Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ Công ty.

6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Tuân thủ theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty. Công ty tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 vào ngày 01/06/2024.

HĐQT trân trọng cảm ơn sự đồng hành và chia sẻ những khó khăn của quý cổ đông trong suốt thời gian vừa qua.

HĐQT công ty xin báo cáo về kết quả hoạt động trong năm 2023, kết quả thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2023, kế hoạch năm 2024 và định hướng hoạt động những năm tiếp theo như sau:

I. Tình hình hoạt động năm 2023

1/ Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2023:

Sau nhiều năm thực sự khó khăn, từ năm 2013 đến hết năm 2017, công ty có mức lỗ liên tục và lũy kế lên đến hơn 28.7 tỷ và cạn kiệt vốn hoạt động vào năm 2018. Bắt đầu từ năm 2018, công ty đã bắt đầu có lãi và không còn lỗ nặng hàng năm, đồng thời mức lãi này có xu hướng tăng dần theo hàng năm. Từ năm 2018 cho đến nay, công ty đã bảo toàn vốn tốt và lãi hàng năm theo dự báo sẽ tăng trưởng hàng năm.

Năm 2023, công ty đã hết lỗ lũy kế và có lợi nhuận dương. Ngoài ra, công ty không nợ ngân hàng và đang nắm giữ lượng tiền mặt đủ lớn để tìm cơ hội đầu tư an toàn và hiệu quả.

Những khó khăn và thuận lợi chủ yếu của công ty trong năm 2023, như sau:

Về khó khăn:

- (1) Chưa quyết định được việc đầu tư vì tiềm ẩn nhiều rủi ro không quản lý được.
- (2) Nhân sự còn mới, chưa nhiều kinh nghiệm.
- (3) Tồn đọng các vấn đề trước đây mà hiện nay chưa thể xử lý được.

Bên cạnh những khó khăn trên, công ty cũng có một số thuận lợi như sau:

- (1) Nhận được cổ tức liên tục và ngày càng tăng của SCS từ cuối năm 2019.
- (2) Công ty đã ký được hợp đồng thuê dài hạn 3 năm đối với SCID. đến hết ngày 17/12/2025 với giá không đổi trong 3 năm.

(3) Tiến trình niêm yết cổ phiếu Chipsáng lên sàn UPCOM tuy có chậm nhưng đang có những tiến triển khá tốt.

(4) Nhân viên Công ty trẻ, nhiệt huyết và luôn học hỏi, chịu thử thách.

Trước tình hình nêu trên, HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp quan trọng với các nội dung chủ yếu như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2023/NQ-HĐQT	24/02/2023	1. Thông qua kết quả kinh doanh hợp nhất dự kiến năm 2022 của Công ty Cổ phần Chipsáng với: - Doanh thu: 6.757.204.589 VNĐ; - Lợi nhuận trước thuế: 5.040.295.598 VNĐ. 2. Thông qua chủ trương giải thể Công ty TNHH Chipsáng - Ashmanov (CSA), giải quyết trong năm 2023. 3. Thống nhất kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023: - Dự kiến ngày tổ chức Đại hội: lúc 09h00 thứ Bảy, ngày 17/06/2023; - Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội: 17/05/2023; - Ngày công bố thông tin: 28/04/2023.
2	02/2023/NQ-HĐQT	30/03/2023	Thống nhất tái bổ nhiệm ông Đặng Duy Hợp là Giám đốc Công ty Cổ phần Chipsáng. Thời gian bổ nhiệm 03 năm, từ ngày 01/03/2023 đến hết ngày 28/02/2026.
3	03/2023/NQ-HĐQT	11/04/2023	1. Thông qua Báo cáo Tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2022: - Doanh thu: 6.757.204.589 VNĐ; - Lợi nhuận trước thuế: 5.786.294.161 VNĐ; - Lợi nhuận sau thuế: 5.786.294.161 VNĐ. 2. Thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2023 của Công ty Cổ phần Chipsáng với: - Doanh thu: 8,5 tỷ; - Lợi nhuận trước thuế: 7 tỷ. 3. Thông qua đề xuất trình ĐHĐCĐ trích thưởng vượt kế hoạch 10% trên phần vượt của lợi nhuận sau thuế năm 2023. 4. Thông qua đề xuất trình ĐHĐCĐ trích: - Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 là 3% trên lợi nhuận sau thuế; - Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 tối đa 3% trên lợi nhuận sau thuế. 5. Thông qua quỹ thù lao HĐQT, BKS và thư ký là 200.000.000 VNĐ cho năm 2022.

4	04/2023/NQ-HĐQT	30/08/2023	Thông nhất ủy quyền cho ông Đặng Duy Hợp - Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty trực tiếp đàm phán với Công ty Cổ phần Sam Holding về phụ lục số 03/2023/PLHĐ/SAM-CS theo nội dung biên bản họp số 05/2023/BBH-HĐQT ngày 30/08/2023.
5	05/2023/NQ-HĐQT	19/12/2023	1. Thông qua kết quả kinh doanh dự kiến năm 2023 của CTCP Chíp Săng với: - Doanh thu: 9,165 tỷ đồng; - Lợi nhuận trước thuế: 13,646 tỷ đồng; 2. Thông qua kế hoạch kinh doanh dự kiến năm 2023 của SCS: - Doanh thu: 75,651 tỷ đồng; - Lợi nhuận trước thuế: 46,093 tỷ đồng. 3. Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2024 của SCS: - Doanh thu: 75,0 tỷ đồng; - Lợi nhuận trước thuế: 38,0 tỷ đồng. 4. Thống nhất mời các cổ đông lớn, cổ đông tiềm năng, nhà đầu tư để lấy ý kiến về định hướng chiến lược đầu tư cho những năm tiếp theo. - Thời gian họp: Dự kiến thứ Bảy ngày 24/02/2024. 5. Thống nhất thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2024, dự kiến vào tháng 6 năm 2024, thời gian cụ thể sẽ thông báo sau.

2/ Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2023.

Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên 2023 đã được thực hiện tốt và đầy đủ.

2.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng so với 2022 (%)
1	Doanh thu thuần	6.757	9.153	35.5%
2	Lợi nhuận gộp	562	1.827	225.3 %
3	Lợi nhuận thuần từ hđkd	5.842	10.497	79.7 %
4	Lợi nhuận trước thuế	5.786	9.915	71.4 %
5	Lợi nhuận sau thuế	5.786	9.564	65.3 %

Nguồn: BCTC năm 2023 (hợp nhất)

Giải trình : Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2023 tuy có nhiều biến động nhưng cũng xuất hiện các dấu hiệu hồi phục, hoạt động kinh doanh mặt bằng cho thuê của Công ty trở lại ổn định và phục hồi. Theo đó, doanh thu thuần năm 2023 đạt 9.153 triệu đồng,

tăng 35,46% so với năm 2022, lợi nhuận gộp đạt 1.827 triệu đồng, tăng hơn 2,25 lần so với năm 2022. Hơn nữa, hoạt động đầu tư mang lại hiệu quả cao khi hoạt động của Công ty liên kết có kết quả tốt. Vì vậy, doanh thu tài chính từ cổ tức Công ty được nhận tăng gấp đôi so với năm 2022. Ngoài ra, Công ty không có các khoản nợ vay và chi phí tài chính được kiểm soát hiệu quả giúp Công ty thu được lợi nhuận từ tài chính cao. Theo đó, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế năm 2023 lần lượt đạt 9.915 triệu đồng và 9.564 triệu đồng, tăng 71.4 % và 65.3 % so với năm 2022.

2.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2023

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH năm 2023	TH năm 2023	Thực hiện / kế hoạch (%)
1	Doanh thu thuần	8.500	9.153	107.7%
2	LN trước thuế	7.000	9.915	141.6%

Nguồn: BCTC năm 2023 (hợp nhất)

Giải trình : Hoạt động kinh doanh phục hồi đem lại kết quả tốt, hoạt động đầu tư tài chính được Ban lãnh đạo kiểm soát hiệu quả đã giúp Công ty vượt các mục tiêu kinh doanh do ĐHCĐ đề ra. Cụ thể, doanh thu thuần đạt 107,69% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 141,64 % so với kế hoạch đề ra.

2.3. Kết quả kinh doanh riêng năm 2023

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu chủ yếu	Năm 2023			Năm 2022	
	Kế hoạch	Thực hiện	So với KH (%)	Thực hiện	Thực hiện 2023 / thực hiện 2022 (%)
DTT	8.500	9.153	107.7 %	6.757	135.5 %
LNTT	7.000	13.418	191.7 %	5.020	267.3 %
LNST		13.067		5.020	260.3%

Nguồn: BCTC năm 2023 (BCTC riêng)

Kết quả kinh doanh riêng trong năm 2023 tăng trưởng mạnh do trong năm Công ty nhận cổ tức từ Công ty liên doanh (Công ty TNHH Sacom – Chíp Sánh) chi trả tăng. Ngoài ra, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khởi sắc với tỷ lệ cho thuê văn phòng đạt hơn 100%. Hoạt động đầu tư tài chính cũng có kết quả khả quan khi lãi suất ngân hàng trong năm 2023 tăng. Trên đây là giải trình kết quả kinh doanh riêng năm 2023 của Công ty.

2.4. Quỹ thù lao của HĐQT và Ban KS :

Quỹ thù lao được ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua là 200 triệu đồng. Mức chi thực tế trong năm 2023 là 200 triệu đồng.

2.5. Đơn vị kiểm toán: Công ty kiểm toán được chọn là AASC, nằm trong danh sách 4 công ty kiểm toán đã được ĐHĐCĐ thông qua.

II. Tình hình tài chính năm 2023

1/Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	+/- So với năm 2022 (%)	Tỷ trọng năm 2022	Tỷ trọng năm 2023
Ts ngắn hạn	12.370	29.530	138,73%	18,14%	37,34%
Ts dài hạn	55.833	49.549	-11,26%	81,86%	62,66%
Tổng tài sản	68.203	79.079	15,95%	100,00%	100,00%

Nguồn: BCTC năm 2023 (hợp nhất)

Tính đến thời điểm cuối năm 2023, tổng tài sản của Công ty tăng 15,95%, đạt 79.079 triệu đồng. Sự gia tăng chủ yếu đến từ tài sản ngắn hạn do trong năm Công ty gia tăng nắm giữ tiền và tăng các khoản tiền gửi ngắn hạn, giúp đảm bảo khả năng thanh khoản và chuẩn bị nguồn tiền cho các hoạt động trong tương lai. Hơn nữa, các khoản phải thu ngắn hạn khác cũng tăng so với năm 2022, do phát sinh các khoản phải thu lợi nhuận được chia và tăng phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay. Ts dài hạn trong năm 2023 giảm là do thanh lý TSCĐ của Cty con (CSA) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn giảm so với đầu năm.

2/Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	Tỷ trọng năm 2022	31/12/2023	Tỷ trọng năm 2023	% Tăng giảm
Nợ phải trả	3.068	4,50 %	4.380	5,54 %	42,79 %
- Nợ ngắn hạn	1.919	62,55%	2.515	57,42 %	31,06 %
- Nợ dài hạn	1.149	37,45%	1.865	42,58 %	62,32 %
Vốn chủ sở hữu	65.135	95,50 %	74.699	94,46 %	14,68 %
Tổng nguồn vốn	68.203	100 %	79.079	100 %	15,95 %

Nguồn: BCTC năm 2023 (hợp nhất)

Cơ cấu vốn với nguồn vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng tương đối cao, với 94,46% tại cuối năm 2023, giảm rủi ro tài chính và kiểm soát tốt chi phí lãi vay. Theo đó, vốn chủ sở hữu đạt 74.699 triệu đồng, nợ phải trả đạt 4.380 triệu đồng tại ngày 31/12/2023. Nợ phải trả

là các khoản phải trả và các khoản khác, không có khoản nợ vay, mang lại lợi nhuận tài chính cao cho Công ty.

3/ Tình hình Lãi / Lỗ của công ty qua các năm



Nguồn: BCTC năm 2023 (BCTC riêng)

4/ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
1	Doanh thu thuần	9.153	9.800
2	Lợi nhuận trước thuế	9.915	8.100

5/ Định hướng hoạt động năm 2024

Trong thời gian tới, HĐQT sẽ phối hợp cùng BDH đưa ra các giải pháp cho Công ty nhằm nỗ lực đạt được kết quả kinh doanh kỳ vọng, cụ thể các công tác như sau:

- (1) Cân đối sử dụng nguồn tài chính của Công ty một cách linh hoạt, hiệu quả và tuân thủ Điều lệ và các quy định pháp luật hiện hành.
- (2) Quản lý tốt khai thác tòa nhà 253 để duy trì lợi nhuận trong 2 năm.
- (3) Quản lý tốt Liên doanh SCS để tiếp tục nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- (4) Thực hành tiết kiệm, bảo toàn vốn, khai thác tối ưu dòng tiền đang nắm giữ.
- (5) Tìm cơ hội đầu tư phù hợp với năng lực và nguồn lực của công ty.
- (6) Niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch UPCOM.
- (7) Dự kiến chi trả cổ tức cho quý cổ đông.
- (8) Chú trọng chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ công nhân viên, đảm bảo các chế độ về tiền lương, thưởng, bảo hiểm để người lao động yên tâm làm việc, gắn bó lâu dài và cống hiến cùng sự phát triển của Công ty.

Kính thưa quý cổ đông,

Công ty đã trải qua một thời gian dài hết sức khó khăn. Với sự làm việc cực lực và hiệu quả của toàn bộ nhân viên, sự chỉ đạo sáng suốt của Hội đồng quản trị. Năm 2023, là năm cuối cùng chúng ta đã hết lỗ lũy kế và lợi nhuận dương. Do vậy, chúng ta có quyền nghĩ đến cổ tức đầu tiên trong năm 2024.

Thay mặt HĐQT và Ban điều hành, tôi xin chân thành cảm ơn quý cổ đông đã đồng hành và gắn bó với công ty trong suốt thời gian dài khó khăn vừa qua. Đây chính là nguồn động viên để HĐQT và Ban điều hành nỗ lực hoàn thành trách nhiệm của mình. Mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của quý cổ đông.

Kính chúc Đại Hội Đồng Cổ Đông Thường Niên năm 2024 thành công tốt đẹp.

TUO Hội Đồng Quản Trị
Thành viên HĐQT

Đặng Duy Hợp

Tp.HCM, ngày 24 tháng 04 năm 2024

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY
CP CHÍP SÁNG,
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2023**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2023, hoạt động của Công ty cp Chíp Sáng khá ổn định, trong đó vẫn duy trì mảng hoạt động kinh doanh chính yếu là cho thuê bất động sản văn phòng, đồng thời tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới.

Thực hiện chức năng và quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, quy chế hoạt động của công ty cổ phần, BKS trong năm qua đã nỗ lực hoàn thành các công việc như giám sát, kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty liên quan tới công tác kế toán, tài chính, hoạt động đầu tư; kiểm tra định kỳ Báo cáo kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con, công ty liên doanh liên kết; bám sát, kiểm tra chặt chẽ HĐQT và BDH trong việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ hàng năm.

Thay mặt BKS, tôi xin báo cáo Đại hội các nội dung sau:

1. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên. Các Thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát và các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

2. Về tình hình tài chính của Công ty CP Chíp Sáng:

BKS thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC kiểm toán. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp Sáng tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2023.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong năm 2023 thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

a. Về kết quả kinh doanh hợp nhất:	
- Doanh thu thuần	9.153.259.422 đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế	9.914.702.330 đồng
- Lợi nhuận sau thuế	9.563.641.903 đồng

b. Về tài sản hợp nhất:	
- Tài sản ngắn hạn	28.430.396.830 đồng
- Tài sản dài hạn	50.648.598.393 đồng
- Tổng tài sản	79.078.995.223 đồng
c. Vốn chủ sở hữu:	74.698.628.439 đồng

Tổng kết: Năm 2023, doanh thu thuần của Công ty Cổ phần Chíp Sáng đạt **9.153.259.422** đồng, tăng 35.5% so với năm 2022. Lợi nhuận sau thuế đạt **9.563.641.903** đồng, tăng 65% so với năm 2022. Đây là kết quả rất khả quan trong bối cảnh thế giới lâm vào cuộc khủng hoảng năng lượng, lạm phát phi mã, suy thoái kinh tế ở nhiều quốc gia do cuộc chiến tranh Nga-Ukraine, Israel-Palestine gây ra.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát:

- Từ năm 2017 đến 2022, các thành viên BKS không nhận thù lao cố định để tiết kiệm tiền cho công ty.
- Trong năm 2023, BKS có nhiều cuộc họp với HĐQT và BDH tại trụ sở trên tinh thần cống hiến cho Công ty. Hiện các thành viên BKS nhận khoản hỗ trợ xăng xe 1 triệu đồng/người cho mỗi lần dự họp HĐQT và BDH.
- Thù lao cuối năm 2023 tính bình quân mỗi thành viên ban kiểm soát nhận được khoảng 800.000 đồng/tháng.

4. Các đề xuất, đóng góp cơ hội đầu tư cho công ty của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã chủ động tìm kiếm, đề xuất, giới thiệu các cơ hội đầu tư, hợp tác, giới thiệu các nhà đầu tư tiềm năng, góp ý với HĐQT và BDH về hoạt động kinh doanh, cụ thể như sau:

- Hợp tác đào tạo nhân lực ngành công nghệ cao bằng cách liên kết với các trường đại học.
- Hợp tác làm công ty vệ tinh nhỏ cho các công ty công nghệ cao trong lĩnh vực sản xuất chip, thiết bị bán dẫn.
- Giới thiệu nguồn trái phiếu trả lãi cao cho nguồn tiền nhàn rỗi của công ty.

5. Đánh giá việc Công ty tuân thủ Pháp luật, thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT:

Trong quá trình kiểm tra, rà soát, BKS đánh giá các hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty đều được triển khai một cách minh bạch, tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật. Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, BKS ghi nhận không phát sinh rủi ro hay vi phạm nào trọng yếu, ảnh hưởng tới hoạt động liên tục của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

6. Công tác giám sát, kiểm tra thực hiện quản trị nội bộ, các giao dịch của bên liên quan:

Trong năm qua, BKS đã tích cực đẩy mạnh hoạt động kiểm tra kiểm soát, phối hợp với HĐQT và Ban Giám đốc theo sát việc ban hành và triển khai cũng như đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ, BKS cũng đã tham gia giám sát công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ tại Công ty Chíp Sáng cũng như số liệu ở các đơn vị thành viên trong hệ thống, đảm bảo các hoạt động vận hành, kinh doanh tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Quy chế Quản trị của Công ty, góp phần giảm thiểu hạn chế rủi ro và hỗ trợ cho hoạt động phát triển kinh doanh. Trong năm 2023, BKS đã triển khai thực hiện các công việc sau:

- Chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư, giới thiệu nhà đầu tư chiến lược tiềm năng cho Cty;
- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT;
- Giám sát và đưa ra ý kiến về việc thực hiện các mục tiêu về hoạt động kinh doanh nhằm đạt được kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận của Công ty;
- Thẩm tra Báo cáo kinh doanh và chi phí hàng quý, Báo cáo tài chính năm để đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam;
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty mẹ và các công ty thành viên theo các quy định của pháp luật;
- Soát xét, thẩm định các giao dịch trọng yếu của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên với các bên liên quan.

7. Nhận xét về Ban điều hành:

- Ban điều hành (BDH) đã thực hiện tốt việc duy trì HĐKD cho thuê văn phòng ổn định tại tòa nhà 253 ĐBP và tòa nhà Sacom-Chipsang, góp phần tăng lợi nhuận công ty, xóa lỗ lũy kế, tiến tới chia cổ tức cho cổ đông. Hiện Chíp Sáng đã có dòng tiền dương khá dồi dào, có thể tham gia các hoạt động đầu tư kinh doanh khác ngoài lĩnh vực chính là cho thuê văn phòng.
- Ban điều hành tiếp tục tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới, đặc biệt là lĩnh vực công nghệ cao. Dự kiến trong thời gian tới, **Cty sẽ tham gia dự án năng lượng XANH trạm sạc xe điện với tập đoàn đa quốc gia Schneider Electric của Pháp.** Tôi nhận thấy đây là dự án bảo vệ môi trường, tạo ra giá trị gia tăng cho tòa nhà Sacom-Chipsang và có thể mang lại dòng doanh thu ổn định cho Cty. Nếu thành công, mô hình trạm sạc xe điện sẽ được triển khai toàn quốc.
- Công ty đã tổ chức đại hội lấy ý kiến nhà đầu tư trong năm 2023 và được các cổ đông tham gia đóng góp ý kiến nhiệt tình.
- Các Nghị Quyết của ĐHĐCĐ đều được BDH nghiêm túc thực hiện; mọi giao dịch trọng yếu về chi phí, doanh thu, lãi vốn đều được kiểm soát chặt chẽ.
- Cơ cấu nhân sự HĐQT, BGD, BKS giai đoạn này đã đáp ứng được yêu cầu ổn định hoạt động tại công ty.
- Để vận hành và kiểm soát tốt hơn, công ty đã ra các quy chế về đầu tư và tài chính để Ban điều hành có cơ sở ra các quyết định hiệu quả, kịp thời, linh động.

KẾT LUẬN:

Năm 2023, với mục tiêu phát huy vai trò trong việc giám sát, kiểm tra tính tuân thủ, minh bạch trong hoạt động của Công ty Chíp Sáng, BKS dự kiến sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động, tập trung hơn nữa vào công tác kiểm tra nội bộ, kiểm tra tiến độ đóng các đơn vị hoạt động

không hiệu quả, kiểm tra việc thu hồi vốn đầu tư từ công ty liên doanh liên kết, tư vấn các giải pháp tìm hướng đi cốt lõi cho hoạt động kinh doanh của Chíp Sáng, giám sát việc tuân thủ của Chíp Sáng lên sàn Upcom, cụ thể:

- Tư vấn và đề xuất với HĐQT, Ban Giám đốc các biện pháp cải tổ HĐQT, BGĐ, BKS nhằm tìm được những người có tâm đức, có năng lực giúp Chíp Sáng tìm được hướng đi cốt lõi cho hoạt động kinh doanh, đảm bảo lợi ích lâu dài cho cổ đông.
- Tích cực nghiên cứu, tư vấn và đề xuất với HĐQT, Ban Giám đốc các lĩnh vực hoạt động kinh doanh khác bên cạnh lĩnh vực chính cho thuê văn phòng.
- Tăng cường công tác giám sát tính tuân thủ các quy định, quy chế trong việc quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty Chíp Sáng và các đơn vị thành viên.
- Định kỳ kiểm tra việc hạch toán, lập Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty mẹ và một số đơn vị thành viên có doanh thu và chi phí chiếm tỷ trọng lớn.
- Hỗ trợ tích cực Ban điều hành nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục pháp lý đưa Chíp Sáng lên sàn Upcom.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát năm 2023 Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Nhân dịp này, thay mặt BKS, tôi xin gửi tới Quý Cổ đông, HĐQT và BGĐ Công ty Cổ phần Chíp Sáng lời chúc sức khỏe.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Xin cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn phòng Cty CS.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban Kiểm soát

(đã ký)

Lê Thị Anh Đào

Ghi chú: Tài liệu này có thể được sửa đổi, bổ sung thích hợp và trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định tại Đại hội.

Trụ sở: Lô T2-4 Khu Công Nghệ cao, Đường
D1, Phường Hiệp Phú, TP.Thủ Đức, TP.HCM
Tel: 028.39301964

Tp. HCM, ngày 01 tháng 06 năm 2024

TỜ TRÌNH SỐ 01

(V/v thông qua báo cáo tài chính Riêng và Hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

Hội Đồng Quản Trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo Tài chính riêng năm 2023 và Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2023 của Công ty Cổ Phần Chíp Sáng (đính kèm), đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC.

Báo cáo Tài chính riêng năm 2023 và Báo cáo Tài chính hợp nhất 2023 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty Cổ phần Chipsang (www.chipsang.vn), bao gồm:

1. Báo cáo của Kiểm toán độc lập năm 2023.
2. Bảng cân đối kế toán năm 2023.
3. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023.
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2023.
5. Thuyết minh Báo cáo Tài chính năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHÍP SÁNG
QUẦN 9 - TP. HỒ CHÍ MINH
PHẠM NGỌC

PHẠM NGỌC TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG
chípsáng

Trụ sở: Lô T2-4 Khu Công Nghệ cao, Đường
D1, Phường Hiệp Phú, TP.Thủ Đức, TP.HCM
Tel: 028.39301964

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 01 tháng 06 năm 2024

Số: 02/2024/TTr-ĐHCD-CS

TỜ TRÌNH SỐ 02

(V/v lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2024)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng ngày 18/12/2021.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chíp Sáng lựa chọn 1 trong 5 Công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
2. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
3. Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)
4. Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (AAC)
5. Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

Đơn vị kiểm toán độc lập được chọn phải có tên trong danh sách các Công ty Kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cho phép và thỏa mãn các yêu cầu của Công ty Cổ phần Chíp Sáng về nguồn lực tốt để hoàn thành công việc đúng hạn với chi phí hợp lý nhất. Kính trình Đại hội đồng Cổ đông giao cho HĐQT xem xét và quyết định.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG
QUẬN 9 - TP. HỒ CHÍ MINH
PHẠM NGỌC TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG



Trụ sở: Lô T2-4 Khu Công Nghệ cao, Đường
D1, Phường Hiệp Phú, TP.Thủ Đức, TP.HCM
Tel: 028.39301964

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 01 tháng 06 năm 2024

Số: 03/2024/TTr-ĐHCD-CS

TỜ TRÌNH SỐ 03

(V/v thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh Riêng và Hợp nhất năm 2023)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng ngày 18/12/2021;
- Báo cáo Tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC;
- Căn cứ vào tình hình kinh doanh thực tế của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Báo cáo Kết quả Kinh doanh Riêng và Hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC và các chỉ tiêu đã thực hiện được so với kế hoạch năm 2023 (Báo cáo Riêng và Hợp nhất), cụ thể như sau:

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 so với năm 2022 – BC Hợp nhất

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng so với năm 2022 (%)
1	Doanh thu thuần	6.757	9.153	35.5%
2	Lợi nhuận trước thuế	5.786	9.915	71.4%
3	Lợi nhuận sau thuế	5.786	9.564	65.3%

2. Báo cáo kết quả thực hiện năm 2023 so với kế hoạch năm 2023 – BC Hợp nhất

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Doanh thu thuần	8.500	9.153	107.7%
2	Lợi nhuận trước thuế	7.000	9.915	141.6%

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 so với năm 2022 – BC Riêng

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng so với năm 2022 (%)
1	Doanh thu thuần	6.757	9.153	35.5%
2	Lợi nhuận trước thuế	5.020	13.418	167.3%
3	Lợi nhuận sau thuế	5.020	13.067	160.3%

4. Báo cáo kết quả thực hiện năm 2023 so với kế hoạch năm 2023 – BC Riêng

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Doanh thu thuần	8.500	9.153	107.7%
2	Lợi nhuận trước thuế	7.000	13.418	191.7%

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHÍP SÁNG
QUẬN 9 - TP. HỒ CHÍ MINH
PHẠM NGỌC TUẤN

Tp. HCM, ngày 01 tháng 06 năm 2024

Số: 04/2024/TTr-ĐHCD-CS

TỜ TRÌNH SỐ 04

(V/v thông qua kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2024
và trích quỹ phúc lợi cho phần vượt kế hoạch năm 2024)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng ngày 18/12/2021;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC;
- Tình hình kinh doanh thực tế của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2024; Trích quỹ phúc lợi cho năm 2024 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Kế hoạch kinh doanh Hợp nhất năm 2024 của Công ty Cổ phần Chíp Sáng

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024
1	Doanh thu thuần	9.153	9.800
2	Lợi nhuận trước thuế	9.915	8.100

2. Trích tỷ lệ Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho phần vượt năm 2024

- Trích thưởng vượt kế hoạch 10% trên phần vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2024.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 là 5% trên lợi nhuận sau thuế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.



PHẠM NGỌC TUẤN

Trụ sở: Lô T2-4 Khu Công Nghệ cao, Đường
D1, Phường Hiệp Phú, TP.Thủ Đức, TP.HCM
Tel: 028.39301964

Tp. HCM, ngày 01 tháng 06 năm 2024

Số: 05/2024/TTr-ĐHCD-CS

(V/v thông qua quỹ thù lao của HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký đã chi trong năm 2023 và xin ý kiến quỹ thù lao HĐQT, BKS và Thư ký năm 2024)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 năm 2020 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ Phần Chíp Sáng ngày 18/12/2021;
- Tình hình kinh doanh thực tế của Công ty CP Chíp Sáng.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua Quỹ thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thư ký năm 2023 đã chi và xin ý kiến thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Hội đồng Quản trị năm 2024 như sau:

- Quỹ thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thụ ký năm 2023 đã chi là: 199.999.000 đ (viết bằng chữ: một trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn đồng).
- Mức đề xuất Quỹ thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Thụ ký năm 2024 là: **300.000.000 đồng/năm** (Viết bằng chữ: Ba trăm triệu đồng).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM NGỌC TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

chípsáng

Trụ sở: Lô T2-4 Khu Công Nghệ cao, Đường
D1, Phường Hiệp Phú, TP.Thủ Đức, TP.HCM
Tel: 028.39301964

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 01 tháng 06 năm 2024

Số: 06/2024/TTr-ĐHCD-CS

TỜ TRÌNH SỐ 06

(V/v thông qua việc chi trả cổ tức năm 2023)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng ngày 18/12/2021;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Trên cơ sở cân đối nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Báo cáo Tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Chíp Sáng. Để đảm bảo quyền lợi, lợi ích của cổ đông cũng như gắn kết cổ đông đồng hành với Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chíp Sáng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền trong năm 2023 như sau:

1. Kế hoạch dự kiến chi trả cổ tức của năm 2023

- Hình thức trả cổ tức: trả cổ tức bằng tiền mặt.
- Tỷ lệ trả cổ tức (dự kiến): 4%/ cổ phần (01 cổ phần phổ thông được nhận 400 đồng).
- Thời gian thực hiện chi trả: trong quý 3/2024.
- Nguồn vốn để thực hiện chi trả: nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Báo cáo tài chính riêng năm 2023 (đã được kiểm toán).
- Phương thức thanh toán: chuyển khoản hay tiền mặt tại Công ty.

2. Ủy quyền

Để thực hiện Phương án chi trả cổ tức như đã trình bày tại mục 1 của Tờ trình này, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) ủy quyền cho Hội đồng Quản trị (HDQT) được quyền chủ động thực hiện:



- Lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức trong phạm vi tỷ lệ chi trả theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Thực hiện các công việc cần thiết với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thành việc chi trả cổ tức cho cổ đông Công ty Cổ phần Chíp Sáng theo kế hoạch nêu trên.
- Trong trường hợp cần thiết và/hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý (nếu có), kính trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chủ động điều chỉnh, bổ sung các nội dung của phương án dự kiến chi trả cổ tức của năm 2023 nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và để đảm bảo hoàn thành kế hoạch chi trả cổ tức cho cổ đông theo phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua (bao gồm cả những nội dung chưa được nêu tại phương án chi trả cổ tức này).

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM NGỌC TUẤN



Tp. HCM, ngày 01 tháng 06 năm 2024

Số: 07/2024/TTr-ĐHCD-CS

TỜ TRÌNH SỐ 07

(V/v trích quỹ dự phòng tài chính cho năm 2023)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực ngày 01/01/2021;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chíp Sáng ngày 18/12/2021;
- Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Chíp Sáng.

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chíp Sáng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông ty lệ trích quỹ dự phòng tài chính cho năm 2023 như sau:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023 (báo cáo riêng): 3.100.000.000 đ

Mức đề xuất trích quỹ dự phòng: 5%;

Tương đương: 155.000.000 đ (một trăm năm mươi lăm triệu đồng)

Việc tạm trích lập quỹ dự phòng đảm bảo phù hợp với kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty Cổ phần Chíp Sáng và tuân thủ mức trích lập tối đa theo quy định. Mức trích lập chính thức sẽ thực hiện theo phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông năm 2024.

Hội đồng Quản trị Công ty kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHÍP SÁNG
QUẢN 9 - T.Đ. CHÍ MINH
TAM NGOC TUAN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 34
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp Sáng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 08 tháng 08 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Ông Đặng Duy Hợp	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Trung Kiên	Ủy viên
Ông Vũ Thái Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Duy Hợp	Giám đốc
------------------	----------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Anh Đào	Trưởng ban
Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên
Ông Tuấn Lộc Louis	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Đặng Duy Hợp

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024

Số: 230324.004/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chíp Sáng được lập ngày 23 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp Sáng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính hợp nhất đến thuyết minh số 1, trong đó trình bày về việc khoán đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Theo quy định tại Khoản d, Điều 34, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom), theo đó Công ty phải đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng. Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Công ty chưa hoàn tất các thủ tục theo quy định để đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024

Đào Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2024-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		29.530.396.830	12.369.837.459
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.406.530.426	444.353.786
111	1. Tiền		697.544.261	292.975.796
112	2. Các khoản tương đương tiền		708.986.165	151.377.990
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	22.309.547.081	11.109.662.834
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.309.547.081	11.109.662.834
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.614.825.116	534.466.694
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.714.418.990	2.719.465.724
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		39.043.891	61.025.090
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.760.000.000	1.760.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	7.536.379.999	2.428.993.644
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.435.017.764)	(6.435.017.764)
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.995.341	2.355.341
141	1. Hàng tồn kho		1.089.420.324	1.108.192.287
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.087.424.983)	(1.105.836.946)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		197.498.866	278.998.804
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	56.566.846	30.694.485
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		140.932.020	166.997.225
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	81.307.094
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		49.548.598.393	55.832.821.164
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		922.187.970	922.187.970
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	922.187.970	922.187.970
220	II. Tài sản cố định		-	742.491.640
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	-	-
222	- Nguyên giá		188.882.984	709.460.084
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(188.882.984)	(709.460.084)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	742.491.640
228	- Nguyên giá		57.600.000	1.669.867.451
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.600.000)	(927.375.811)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	48.356.604.002	53.917.377.863
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		55.103.604.002	57.864.377.863
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(10.752.000.000)	(10.752.000.000)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.005.000.000	6.805.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		269.806.421	250.763.691
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	269.806.421	250.763.691
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		79.078.995.223	68.202.658.623

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.380.366.784	3.067.672.087
310	I. Nợ ngắn hạn		2.515.121.126	1.919.044.497
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	462.651.507	511.470.603
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		63.126.808	66.485.102
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	655.457.757	368.613.498
314	4. Phải trả người lao động		99.422.246	265.336.230
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	279.512.893	109.644.222
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	275.533.869	22.870.968
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	653.920.006	547.127.834
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		25.496.040	27.496.040
330	II. Nợ dài hạn		1.865.245.658	1.148.627.590
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	1.865.245.658	1.148.627.590
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		74.698.628.439	65.134.986.536
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	74.698.628.439	65.134.986.536
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.290.800.000	80.290.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.290.800.000	80.290.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		374.000.000	374.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		426.849.623	426.849.623
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.984.480	11.984.480
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.361.316.735	(4.367.472.543)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(4.367.472.543)	(10.172.710.608)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		9.728.789.278	5.805.238.065
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(625.712.399)	(460.565.024)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		79.078.995.223	68.202.658.623

Vũ Việt Hương
Người lập

Vũ Việt Hương
Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	9.153.259.422	6.757.204.589
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.153.259.422	6.757.204.589
11	4. Giá vốn hàng bán	21	7.325.785.231	6.195.464.248
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.827.474.191	561.740.341
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	13.575.111.096	6.107.697.847
22	7. Chi phí tài chính		253	154
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(2.760.773.861)	851.302.535
25	9. Chi phí bán hàng	23	64.221.316	13.073.650
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	2.081.066.011	1.665.869.728
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.496.523.846	5.841.797.191
31	12. Thu nhập khác	25	196.326.732	29.378.613
32	13. Chi phí khác	26	778.148.248	84.881.643
40	14. Lợi nhuận khác		(581.821.516)	(55.503.030)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.914.702.330	5.786.294.161
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	351.060.427	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.563.641.903	5.786.294.161
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		9.728.789.278	5.805.238.065
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(165.147.375)	(18.943.904)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.407	840

Vũ Việt Hương
Người lập

Vũ Việt Hương
Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.914.702.330	5.786.294.161
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		-	84.856.176
03	- Các khoản dự phòng		(18.411.963)	(71.545.395)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(189.940)	(204.214)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(10.071.651.040)	(6.958.796.168)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(175.550.613)	(1.159.395.440)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(19.347.311)	(8.184.665)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		18.771.963	90.210.376
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.040.941.364	250.245.798
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(44.915.091)	154.022.842
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		817.900.312	(673.101.089)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(15.339.542.797)	(18.347.230.186)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.939.658.550	11.005.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.543.970.635	5.799.903.473
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		144.086.388	(1.542.326.713)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		961.986.700	(2.215.427.802)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		444.353.786	2.659.577.374
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		189.940	204.214
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1.406.530.426	444.353.786

Vũ Việt Hương
Người lập

Vũ Việt Hương
Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 08 tháng 08 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.290.800.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 80.290.800.000 đồng; tương đương 8.029.080 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 05 người (tại ngày 31/12/2022 là: 04 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh mua bán các thiết bị điện tử, cho thuê văn phòng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Cho thuê văn phòng;
- Mua bán thiết bị điện tử;
- Đại lý dịch vụ viễn thông.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Thành phố Hồ Chí Minh	77,77%	77,77%	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website

Công ty có công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sacom - Chíp sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Kinh doanh Bất động sản và cho thuê văn phòng

Công ty có công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2023 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Thiết kế và sản xuất các sản phẩm Digital

Lý do: Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang tạm ngừng kinh doanh.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay và các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Riêng đối với Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam, do công ty đang trong giai đoạn ngừng hoạt động để làm thủ tục giải thể nên khoản đầu tư vào công ty này vẫn được phản ánh theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | | |
|---------------------|---------|-----|
| - Máy móc, thiết bị | 10 - 20 | năm |
| - Phần mềm quản lý | 05 | năm |

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.22 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh của Công ty từ hoạt động chủ yếu là cho thuê văn phòng và phát sinh tại thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	19.205.617	19.002.799
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	678.338.644	273.972.997
Các khoản tương đương tiền (*)	708.986.165	151.377.990
	1.406.530.426	444.353.786

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 02 tháng có giá trị 708.986.165 VND được gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS với lãi suất 5,3%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	22.309.547.081	-	11.109.662.834	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	21.209.547.081	-	11.109.662.834	-
- Trái phiếu ⁽³⁾	1.100.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	4.005.000.000	-	6.805.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽²⁾	4.005.000.000	-	5.705.000.000	-
- Trái phiếu ⁽³⁾	-	-	1.100.000.000	-
	26.314.547.081	-	17.914.662.834	-

(1) Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị là 21.209.547.081 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,7%/năm đến 9,5%/năm.

(2) Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư dài hạn là tiền gửi có kỳ hạn 15 tháng có giá trị 4.005.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 11 với lãi suất từ 8,2%/ năm đến 11%/năm.

(3) Hợp đồng chuyển nhượng Trái phiếu số 014809/PKDSGH2023001/3M ngày 31/08/2023 với các điều khoản chi tiết sau:

- Nhà phát hành: Công ty TNHH Phúc Khang Đông Sài Gòn;
- Số lượng: 11.000 Trái Phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/Trái phiếu;
- Ngày phát hành: 31/12/2020;
- Ngày đáo hạn: 25/12/2024;
- Lãi suất : 10,1%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.100.000.000 VND.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>2.315.128.251</i>	<i>(2.315.128.251)</i>	<i>2.315.128.251</i>	<i>(2.315.128.251)</i>
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	(2.315.128.251)	2.315.128.251	(2.315.128.251)
<i>Bên khác</i>	<i>694.071.832</i>	<i>(320.553.848)</i>	<i>404.337.473</i>	<i>(339.073.848)</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	44.083.051	(44.083.051)	44.083.051	(44.083.051)
Công ty TNHH Home Shopping Việt Nam	42.000.020	(42.000.020)	42.000.020	(42.000.020)
Phải thu khách hàng khác	313.207.668	(234.470.777)	318.254.402	(252.990.777)
	<u>2.714.418.990</u>	<u>(2.635.682.099)</u>	<u>2.719.465.724</u>	<u>(2.654.202.099)</u>

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.760.000.000	(1.760.000.000)	-	-	1.760.000.000	(1.760.000.000)
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.760.000.000	(1.760.000.000)	-	-	1.760.000.000	(1.760.000.000)
	1.760.000.000	(1.760.000.000)	-	-	1.760.000.000	(1.760.000.000)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về lợi nhuận được chia	4.200.000.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	1.173.794.604	-	342.848.698	-
Phải thu người lao động	852.426.332	(852.426.332)	852.426.332	(852.426.332)
Tạm ứng	51.600.000	(500.000)	12.000.000	(500.000)
Ký cược, ký quỹ	18.210.000	-	2.910.000	-
Phải thu Thuế nhà thầu nước ngoài	279.573.333	(279.573.333)	279.573.333	(279.573.333)
Phải thu khác	960.775.730	(888.316.000)	939.235.281	(888.316.000)
	7.536.379.999	(2.020.815.665)	2.428.993.644	(2.020.815.665)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	861.900.000	(861.900.000)	861.900.000	(861.900.000)
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	4.200.000.000	-	-	-
Phải thu Thuế nhà thầu nước ngoài	279.573.333	(279.573.333)	279.573.333	(279.573.333)
Hứa Công Nghiệp	318.061.485	(318.061.485)	318.061.485	(318.061.485)
Trần Thị Thanh Phương	261.207.191	(261.207.191)	260.565.691	(260.565.691)
Các đối tượng khác	1.615.637.990	(300.073.656)	708.893.135	(300.715.156)
	7.536.379.999	(2.020.815.665)	2.428.993.644	(2.020.815.665)
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	922.187.970	-	922.187.970	-
	922.187.970	-	922.187.970	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	4.500.000	-	4.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Coop	917.687.970	-	917.687.970	-
	922.187.970	-	922.187.970	-

PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
c) Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	861.900.000	(861.900.000)	861.900.000	(861.900.000)
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	4.204.500.000	-	4.500.000	-
	5.066.400.000	(861.900.000)	866.400.000	(861.900.000)

8 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu của khách hàng	2.635.682.099	-	2.654.202.099	-
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	-	2.315.128.251	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	44.083.051	-	44.083.051	-
- Công ty TNHH Home Shopping Việt Nam	42.000.020	-	42.000.020	-
- Các đối tượng khác	234.470.777	-	252.990.777	-
Trả trước cho người bán	18.520.000	-	-	-
- Trung tâm Nghiên cứu Triển khai Khu Công nghệ cao	18.520.000	-	-	-
Phải thu về cho vay	1.760.000.000	-	1.760.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.760.000.000	-	1.760.000.000	-
Phải thu khác	2.020.815.665	-	2.020.815.665	-
- Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	861.900.000	-	861.900.000	-
- Tiền thuế nhà thầu phải thu Ashmanov & Partners JSC	279.573.333	-	279.573.333	-
- Hứa Công Nghiệp	318.061.485	-	318.061.485	-
- Trần Thị Thanh Phương	261.207.191	-	260.565.691	-
- Vũ Khải Hưng	138.000.000	-	138.000.000	-
- Các đối tượng khác	162.073.656	-	162.715.156	-
	6.435.017.764	-	6.435.017.764	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.995.341	-	1.995.341	-
Hàng hoá	1.067.338.752	(1.067.338.752)	1.086.110.715	(1.085.750.715)
Hàng gửi đi bán	20.086.231	(20.086.231)	20.086.231	(20.086.231)
	1.089.420.324	(1.087.424.983)	1.108.192.287	(1.105.836.946)

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 188.882.984 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại 31/12/2023 là 57.600.000 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	12.568.032	-
Phí hoa hồng môi giới	21.991.058	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	22.007.756	30.694.485
	56.566.846	30.694.485
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn	165.160.461	235.794.816
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	93.278.960	14.968.875
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.367.000	-
	269.806.421	250.763.691

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Bên khác				
Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Hòa Sơn	-	-	24.300.000	24.300.000
Phải trả các đối tượng khác	36.934.100	36.934.100	61.453.196	61.453.196
	462.651.507	462.651.507	511.470.603	511.470.603
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty Cổ phần Maremono	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407
	425.717.407	425.717.407	425.717.407	425.717.407



14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		-		129.342.413		106.765.019		-		22.577.394	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	77.307.094		-		351.060.427		-		-		273.753.333	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		18.235.692		20.157.434		29.643.902		-		8.749.224	
Các loại thuế khác	4.000.000		350.377.806		4.000.000		-		-		350.377.806	
	81.307.094		368.613.498		504.560.274		136.408.921		-		655.457.757	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền điện, nước	74.013.893	49.298.058
Trích trước chi phí thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký	145.499.000	-
Chi phí phải trả khác	60.000.000	60.346.164
	279.512.893	109.644.222

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận tiền trước	275.533.869	22.870.968
	275.533.869	22.870.968

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
- Kinh phí công đoàn	19.989.000	19.989.000
- Bảo hiểm xã hội	4.595.442	4.595.842
- Bảo hiểm y tế	6.361.065	6.361.065
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.068.874	4.068.874
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	258.829.000	173.497.600
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	77.261.525	55.800.353
	653.920.006	547.127.834
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	21.461.172	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn M&L	90.000.000	90.000.000
- Công ty TNHH Freewill Solutions Việt Nam	62.829.000	62.829.000
- Công ty TNHH Tấn Hội	48.000.000	48.000.000
- Các đối tượng khác	431.629.834	346.298.834
	653.920.006	547.127.834
b) Dài hạn		
b.1) Chi tiết theo nội dung		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.865.245.658	1.148.627.590
	1.865.245.658	1.148.627.590
b.2) Chi tiết theo đối tượng		
- Chi nhánh Công ty TNHH Hanatour Việt Nam - Trung tâm Korea Visa Application tại TP. Hồ Chí Minh	1.081.321.098	619.787.520
- Công ty TNHH Ning Sing Logistics	519.860.000	-
- Các đối tượng khác	264.064.560	528.840.070
	1.865.245.658	1.148.627.590
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
	282.815.100	282.815.100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	80.290.800.000	80.290.800.000
- Vốn góp cuối năm	80.290.800.000	80.290.800.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	282.815.100	282.815.100
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	282.815.100	282.815.100

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.029.080	8.029.080
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	1.114.061	1.114.061
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.114.061	1.114.061
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.915.019	6.915.019
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.915.019	6.915.019
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	426.849.623	426.849.623
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	11.984.480
	438.834.103	438.834.103

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng tòa nhà tại số 253 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	9.623.891.289	5.533.371.030
- Trên 1 năm đến 5 năm	8.625.164.016	-
	18.249.055.305	5.533.371.030

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê mặt bằng tòa nhà và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	5.926.260.180	5.756.406.360
- Trên 1 năm đến 5 năm	5.535.612.691	11.512.812.720
	11.461.872.871	17.269.219.080

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
Đồng đô la Mỹ (USD)	260,19	275,04

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.135.363.799	6.667.410.145
Doanh thu bán hàng hóa	17.895.623	89.794.444
	9.153.259.422	6.757.204.589

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	7.324.142.049	6.173.147.183
Giá vốn của hàng hóa đã bán	20.055.145	93.862.460
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.411.963)	(71.545.395)
	7.325.785.231	6.195.464.248

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.841.166.541	988.743.633
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.733.750.000	5.118.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.615	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	189.940	204.214
	13.575.111.096	6.107.697.847
	11.754.024.246	5.118.750.000

Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan
 (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	7.403.750
Chi phí nhân công	-	4.255.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.121.316	1.414.900
Chi phí khác bằng tiền	100.000	-
	64.221.316	13.073.650

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.459.529	19.556.544
Chi phí nhân công	1.231.432.544	880.219.868
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	4.669.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	820.173.938	760.378.415
Chi phí khác bằng tiền	-	1.045.502
	2.081.066.011	1.665.869.728
Trong đó: Chi phí Quản lý DN mua của các bên liên quan	18.908.400	17.850.000

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ chương trình khuyến mãi được hưởng	-	15.656.250
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	25.451.292	727.273
Thu nhập từ bồi thường hợp đồng	168.565.455	-
Thu nhập khác	2.309.985	12.995.090
	196.326.732	29.378.613

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	742.491.640	-
Chi phí khấu hao của TSCĐ không sử dụng	-	84.856.176
Các khoản bị phạt	2.512.069	-
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	13.920.454	-
Chi phí khác	19.224.085	25.467
	778.148.248	84.881.643

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	351.060.427	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành từ các công ty con	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	351.060.427	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(77.307.094)	(77.307.094)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	273.753.333	(77.307.094)

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	9.728.789.278	5.805.238.065
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.728.789.278	5.805.238.065
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.915.019	6.915.019
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.407	840

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.844.732	31.598.746
Chi phí nhân công	1.255.826.987	884.474.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.162.061.250	1.553.410.180
Chi phí khác bằng tiền	20.915.110	5.382.650.247
	9.468.648.079	7.852.134.041

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: rủi ro về giá và lãi suất.

Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú,
Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Đầu tư dài hạn	-	-	-	-
	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2023				
Đầu tư dài hạn	-	1.100.000.000	-	1.100.000.000
	-	1.100.000.000	-	1.100.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.387.324.809	-	-	1.387.324.809
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.594.301.225	922.187.970	-	6.516.489.195
Các khoản cho vay	24.069.547.081	4.005.000.000	-	28.074.547.081
	31.051.173.115	4.927.187.970	-	35.978.361.085

Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú,
Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	425.350.987	-	-	425.350.987
Phải thu khách hàng, phải thu khác	473.441.604	922.187.970	-	1.395.629.574
Các khoản cho vay	12.869.662.834	6.805.000.000	-	19.674.662.834
	13.768.455.425	7.727.187.970	-	21.495.643.395

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.116.571.513	1.865.245.658	-	2.981.817.171
Chi phí phải trả	279.512.893	-	-	279.512.893
	1.396.084.406	1.865.245.658	-	3.261.330.064
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.058.598.437	1.148.627.590	-	2.207.226.027
Chi phí phải trả	109.644.222	-	-	109.644.222
	1.168.242.659	1.148.627.590	-	2.316.870.249

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

32 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú,
Tp Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.908.400	17.850.000
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	18.908.400	17.850.000
Cổ tức được chia	11.754.024.246	5.118.750.000
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	11.754.024.246	5.118.750.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt	529.821.209	388.647.168
Ông Phạm Ngọc Tuấn Chủ tịch HĐQT	36.746.000	15.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng Ủy viên HĐQT	25.397.000	13.000.000
Ông Phạm Trung Kiên Ủy viên HĐQT	13.698.000	4.000.000
Ông Vũ Thái Hà Ủy viên HĐQT	30.397.000	15.000.000
Ông Đặng Duy Hợp Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	379.419.209	316.647.168
Bà Lê Thị Anh Đào Trưởng ban kiểm soát	14.768.000	8.000.000
Ông Ngô Quốc Hùng Thành viên BKS	13.698.000	7.000.000
Ông Tấn Lộc Louis Thành viên BKS	15.698.000	10.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

33 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Vũ Việt Hương
Người lập


Vũ Việt Hương
Kế toán trưởng


Đặng Duy Hợp
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÍP SÁNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 31
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chíp Sáng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 08 tháng 08 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch
Ông Đặng Duy Hợp	Ủy viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Trung Kiên	Ủy viên
Ông Vũ Thái Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Duy Hợp	Giám đốc
------------------	----------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Anh Đào	Trưởng ban
Ông Ngô Quốc Hùng	Thành viên
Ông Tấn Lộc Louis	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;

Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đặng Duy Hợp

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024

Số: 230324.003/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chíp Sáng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chíp Sáng được lập ngày 23 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chíp Sáng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Theo quy định tại Khoản d, Điều 34, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết (Upcom), theo đó Công ty phải đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch cho chứng khoán chưa niêm yết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng. Tuy nhiên đến thời điểm kiểm toán Công ty chưa hoàn tất các thủ tục theo quy định để đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024

Đào Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2024-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		29.311.027.139	12.150.056.235
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.383.367.126	420.778.953
111	1. Tiền		674.380.961	269.400.963
112	2. Các khoản tương đương tiền		708.986.165	151.377.990
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	22.309.547.081	11.109.662.834
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		22.309.547.081	11.109.662.834
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.559.550.745	479.192.323
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	2.923.117.012	2.928.163.746
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		32.288.801	54.270.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	06	3.560.000.000	3.560.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	07	7.297.787.385	2.190.401.030
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.253.642.453)	(8.253.642.453)
140	IV. Hàng tồn kho	09	1.995.341	2.355.341
141	1. Hàng tồn kho		1.089.420.324	1.108.192.287
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.087.424.983)	(1.105.836.946)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		56.566.846	138.066.784
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	56.566.846	30.694.485
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	26.065.205
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	81.307.094
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		47.196.994.391	49.977.951.661
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		922.187.970	922.187.970
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	922.187.970	922.187.970
220	II. Tài sản cố định		-	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	-	-
222	- Nguyên giá		188.882.984	188.882.984
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(188.882.984)	(188.882.984)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		57.600.000	57.600.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(57.600.000)	(57.600.000)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	46.005.000.000	48.805.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		8.796.340.000	8.796.340.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		52.752.000.000	52.752.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.548.340.000)	(19.548.340.000)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.005.000.000	6.805.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		269.806.421	250.763.691
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	269.806.421	250.763.691
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		76.508.021.530	62.128.007.896

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.444.980.955	2.132.286.258
310	I. Nợ ngắn hạn		1.579.735.297	983.658.668
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	18.855.700	67.674.796
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	3.358.294
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	302.783.896	15.939.637
314	4. Phải trả người lao động		99.422.246	265.336.230
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	279.512.893	109.644.222
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	275.533.869	22.870.968
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	578.130.653	471.338.481
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		25.496.040	27.496.040
330	II. Nợ dài hạn		1.865.245.658	1.148.627.590
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	1.865.245.658	1.148.627.590
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		73.063.040.575	59.995.721.638
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	73.063.040.575	59.995.721.638
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		80.290.800.000	80.290.800.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		80.290.800.000	80.290.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		374.000.000	374.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(11.140.610.000)	(11.140.610.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		426.849.623	426.849.623
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.984.480	11.984.480
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.100.016.472	(9.967.302.465)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(9.967.302.465)	(14.987.503.222)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		13.067.318.937	5.020.200.757
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		76.508.021.530	62.128.007.896

Vũ Việt Hương
Người lập

Vũ Việt Hương
Kế toán trưởng

Đặng Duy Hợp
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	9.153.259.422	6.757.204.589
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.153.259.422	6.757.204.589
11	4. Giá vốn hàng bán	21	7.325.785.231	6.195.464.248
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.827.474.191	561.740.341
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	13.574.907.266	6.107.487.628
22	7. Chi phí tài chính		-	8.610
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	64.221.316	13.073.650
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	2.080.450.901	1.665.298.098
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.257.709.240	4.990.847.611
31	11. Thu nhập khác	25	196.326.732	29.378.613
32	12. Chi phí khác	26	35.656.608	25.467
40	13. Lợi nhuận khác		160.670.124	29.353.146
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.418.379.364	5.020.200.757
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	351.060.427	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>13.067.318.937</u>	<u>5.020.200.757</u>


Vũ Việt Hương
Người lập


Vũ Việt Hương
Kế toán trưởng



Đặng Duy Hợp
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.418.379.364	5.020.200.757
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Các khoản dự phòng		(18.411.963)	(71.536.785)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(13.574.907.266)	(6.107.487.628)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(174.939.865)	(1.158.823.656)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(19.347.311)	(8.184.665)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		18.771.963	90.210.376
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		1.040.941.364	250.245.798
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(44.915.091)	154.022.842
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.000.000)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		818.511.060	(672.529.305)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(15.339.542.797)	(18.347.230.186)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6.939.658.550	11.005.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.543.961.360	5.799.897.468
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		144.077.113	(1.542.332.718)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		962.588.173	(2.214.862.023)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		420.778.953	2.635.640.976
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	1.383.367.126	420.778.953

Vũ Việt Hương
Người lập

Vũ Việt Hương
Kế toán trưởng



Đang Duy Hợp

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chíp Sáng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký số 0304392302 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 05 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 08 tháng 08 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 80.290.800.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 80.290.800.000 VND; tương đương 8.029.080 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 05 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 04 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh mua bán các thiết bị điện tử, cho thuê văn phòng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Cho thuê văn phòng;
- Mua bán thiết bị điện tử;
- Đại lý dịch vụ viễn thông.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị 10 - 20 năm
- Phần mềm quản lý 05 năm

2.11 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.
- b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành
Trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là cho thuê văn phòng và phát sinh tại thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	3.632.000	3.429.182
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	670.748.961	265.971.781
Các khoản tương đương tiền (*)	708.986.165	151.377.990
	1.383.367.126	420.778.953

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 02 tháng có giá trị 708.986.165 VND được gửi tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS với lãi suất 5,3%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	22.309.547.081	-	11.109.662.834	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	21.209.547.081	-	11.109.662.834	-
- Trái phiếu ⁽³⁾	1.100.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	4.005.000.000	-	6.805.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽²⁾	4.005.000.000	-	5.705.000.000	-
- Trái phiếu	-	-	1.100.000.000	-
	26.314.547.081	-	17.914.662.834	-

(1) Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 06 tháng đến 12 tháng có giá trị là 21.209.547.081 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,7%/năm đến 9,5%/năm.

(2) Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư dài hạn là tiền gửi có kỳ hạn 15 tháng có giá trị 4.005.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Sài Gòn và Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Quận 11 với lãi suất từ 8,2%/ năm đến 11%/năm.

(3) Hợp đồng chuyển nhượng Trái phiếu số 014809/PKDSGH2023001/3M ngày 31/08/2023 với các điều khoản chi tiết sau:

- Nhà phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong;
- Số lượng: 11.000 trái phiếu;
- Mệnh giá: 100.000 VND/trái phiếu;
- Ngày phát hành: 31/12/2020;
- Ngày đáo hạn: 25/12/2024;
- Lãi suất : 10,1%/năm;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 1.100.000.000 VND.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

31/12/2023

01/01/2023

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	8.796.340.000		(8.796.340.000)	8.796.340.000		(8.796.340.000)
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov ⁽¹⁾	8.796.340.000		(8.796.340.000)	8.796.340.000		(8.796.340.000)
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	52.752.000.000		(10.752.000.000)	52.752.000.000		(10.752.000.000)
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	42.000.000.000		-	42.000.000.000		-
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam ⁽²⁾	10.752.000.000		(10.752.000.000)	10.752.000.000		(10.752.000.000)
	61.548.340.000		(19.548.340.000)	61.548.340.000		(19.548.340.000)

(1) Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov đang trong giai đoạn ngừng hoạt động để làm thủ tục giải thể, tuy nhiên các thủ tục giải thể chưa hoàn tất.

(2) Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam đang tạm ngừng kinh doanh chỉ duy trì hoạt động của bộ phận quản lý.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2023 như sau:

Tên Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Thành phố Hồ Chí Minh	77,77%	77,77%	Kinh doanh dịch vụ Noron và thiết kế website

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2023 như sau:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Thành phố Hồ Chí Minh	26,25%	26,25%	Cho thuê văn phòng
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	38,00%	38,00%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác

16

Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú,
Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	2.523.826.273	(2.523.826.273)	2.523.826.273	(2.523.826.273)
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	(2.315.128.251)	2.315.128.251	(2.315.128.251)
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	208.698.022	(208.698.022)	208.698.022	(208.698.022)
Bên khác	399.290.739	(320.553.848)	404.337.473	(339.073.848)
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	44.083.051	(44.083.051)	44.083.051	(44.083.051)
Công ty TNHH Home Shopping Việt Nam	42.000.020	(42.000.020)	42.000.020	(42.000.020)
Các đối tượng khác	313.207.668	(234.470.777)	318.254.402	(252.990.777)
	2.923.117.012	(2.844.380.121)	2.928.163.746	(2.862.900.121)

Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú, Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan						
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	3.560.000.000	(3.560.000.000)	3.333.750.000	3.333.750.000	3.560.000.000	(3.560.000.000)
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.800.000.000	(1.800.000.000)	-	-	1.800.000.000	(1.800.000.000)
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	1.760.000.000	(1.760.000.000)	-	-	1.760.000.000	(1.760.000.000)
	-	-	3.333.750.000	3.333.750.000	-	-
	3.560.000.000	(3.560.000.000)	3.333.750.000	3.333.750.000	3.560.000.000	(3.560.000.000)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	4.200.000.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.173.794.604	-	342.848.698	-
Tạm ứng	50.000.000	-	10.400.000	-
Ký cược, ký quỹ	18.210.000	-	2.910.000	-
Phải thu người lao động đã nghỉ	852.426.332	(852.426.332)	852.426.332	(852.426.332)
Phải thu khác	1.003.356.449	(978.316.000)	981.816.000	(978.316.000)
	7.297.787.385	(1.830.742.332)	2.190.401.030	(1.830.742.332)
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	861.900.000	(861.900.000)	861.900.000	(861.900.000)
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	90.000.000	(90.000.000)	90.000.000	(90.000.000)
Công ty TNHH Sacom Chíp Sáng	4.200.000.000	-	-	-
Hứa Công Nghiệp	318.061.485	(318.061.485)	318.061.485	(318.061.485)
Trần Thị Thanh Phương	261.207.191	(261.207.191)	260.565.691	(260.565.691)
Các đối tượng khác	1.566.618.709	(299.573.656)	659.873.854	(300.215.156)
	7.297.787.385	(1.830.742.332)	2.190.401.030	(1.830.742.332)
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Ký cược, ký quỹ	922.187.970	-	922.187.970	-
	922.187.970	-	922.187.970	-
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	4.500.000	-	4.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn Coop	917.687.970	-	917.687.970	-
	922.187.970	-	922.187.970	-

PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
c) Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	861.900.000	(861.900.000)	861.900.000	(861.900.000)
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	90.000.000	(90.000.000)	90.000.000	(90.000.000)
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	4.204.500.000	-	4.500.000	-
	5.156.400.000	(951.900.000)	956.400.000	(951.900.000)

8 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu của khách hàng	2.844.380.121	-	2.862.900.121	-
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	2.315.128.251	-	2.315.128.251	-
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	208.698.022	-	208.698.022	-
Công ty Cổ phần Thương mại Điện tử Lingo	44.083.051	-	44.083.051	-
Công ty TNHH Home Shopping Việt Nam	42.000.020	-	42.000.020	-
Các đối tượng khác	234.470.777	-	252.990.777	-
Trả trước cho người bán	18.520.000	-	-	-
Trung tâm Nghiên cứu Triển khai Khu Công nghệ cao	18.520.000	-	-	-
Phải thu về cho vay	3.560.000.000	-	3.560.000.000	-
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	1.760.000.000	-	1.760.000.000	-
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	1.800.000.000	-	1.800.000.000	-
Phải thu khác	1.830.742.332	-	1.830.742.332	-
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	861.900.000	-	861.900.000	-
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	90.000.000	-	90.000.000	-
Hứa Công Nghiệp	318.061.485	-	318.061.485	-
Trần Thị Thanh Phương	261.207.191	-	260.565.691	-
Vũ Khải Hưng	138.000.000	-	138.000.000	-
Các đối tượng khác	161.573.656	-	162.215.156	-
	8.253.642.453	-	8.253.642.453	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	1.995.341	-	1.995.341	-
Hàng hoá	1.067.338.752	(1.067.338.752)	1.086.110.715	(1.085.750.715)
Hàng gửi đi bán	20.086.231	(20.086.231)	20.086.231	(20.086.231)
	1.089.420.324	(1.087.424.983)	1.108.192.287	(1.105.836.946)

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2023 là 188.882.984 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại 31/12/2023 là 57.600.000 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	12.568.032	-
Phí hoa hồng môi giới	21.991.058	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	22.007.756	30.694.485
	56.566.846	30.694.485
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn	165.160.461	235.794.816
Công cụ dụng cụ xuất dùng	93.278.960	14.968.875
Chi phí trả trước dài hạn khác	11.367.000	-
	269.806.421	250.763.691

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Hòa Sơn	-	-	24.300.000	24.300.000
Công ty TNHH Dịch vụ Xuyên Thái Bình Dương	-	-	10.735.200	10.735.200
Các đối tượng khác	18.855.700	18.855.700	32.639.596	32.639.596
	18.855.700	18.855.700	67.674.796	67.674.796

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	129.342.413	106.765.019	-	22.577.394
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	77.307.094	-	351.060.427	-	-	273.753.333
Thuế Thu nhập cá nhân	-	15.939.637	20.157.434	29.643.902	-	6.453.169
Các loại thuế khác	4.000.000	-	4.000.000	-	-	-
	<u>81.307.094</u>	<u>15.939.637</u>	<u>504.560.274</u>	<u>136.408.921</u>	<u>-</u>	<u>302.783.896</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền điện, nước	74.013.893	49.298.058
Trích trước chi phí thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký	145.499.000	-
Chi phí phải trả khác	60.000.000	60.346.164
	<u>279.512.893</u>	<u>109.644.222</u>

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận tiền trước	275.533.869	22.870.968
	275.533.869	22.870.968

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
a.1) Chi tiết theo nội dung		
Bảo hiểm xã hội	4.595.442	4.595.842
Bảo hiểm y tế	6.361.065	6.361.065
Bảo hiểm thất nghiệp	4.068.874	4.068.874
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	258.829.000	173.497.600
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	282.815.100	282.815.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	21.461.172	-
	578.130.653	471.338.481
a.2) Chi tiết theo đối tượng		
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong	21.461.172	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tư vấn M&L	90.000.000	90.000.000
Công ty TNHH Freewill Solutions Việt Nam	62.829.000	62.829.000
Công ty TNHH Tấn Hội	48.000.000	48.000.000
Các đối tượng khác	355.840.481	270.509.481
	578.130.653	471.338.481
b) Dài hạn		
b.1) Chi tiết theo nội dung		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.865.245.658	1.148.627.590
	1.865.245.658	1.148.627.590
b.2) Chi tiết theo đối tượng		
Chi nhánh Công ty TNHH Hanatour Việt Nam - Trung tâm Korea Visa Application tại TP. Hồ Chí Minh	1.081.321.098	619.787.520
Công ty TNHH Ning Sing Logistics	519.860.000	-
Các đối tượng khác	264.064.560	528.840.070
	1.865.245.658	1.148.627.590

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(14.987.503.222)	54.975.520.881
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	5.020.200.757	5.020.200.757
Số dư cuối năm trước	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(9.967.302.465)	59.995.721.638
Số dư đầu năm nay	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	(9.967.302.465)	59.995.721.638
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	13.067.318.937	13.067.318.937
Số dư cuối năm nay	80.290.800.000	374.000.000	(11.140.610.000)	426.849.623	11.984.480	3.100.016.472	73.063.040.575

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	9.880.440.000	12,31	9.880.440.000	12,31
Các cổ đông khác	59.269.750.000	73,82	59.269.750.000	73,82
Cổ phiếu quỹ	11.140.610.000	13,87	11.140.610.000	13,87
	80.290.800.000	100	80.290.800.000	100



c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	80.290.800.000	80.290.800.000
- Vốn góp cuối năm	80.290.800.000	80.290.800.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	282.815.100	282.815.100
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>282.815.100</u>	<u>282.815.100</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	8.029.080	8.029.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	1.114.061	1.114.061
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	6.915.019	6.915.019
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	426.849.623	426.849.623
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.984.480	11.984.480
	<u>438.834.103</u>	<u>438.834.103</u>

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng tòa nhà tại số 253 Điện Biên Phủ, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	9.623.891.289	5.533.371.030
Trên 1 năm đến 5 năm	8.625.164.016	-

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê mặt bằng tòa nhà và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	5.926.260.180	5.756.406.360
Trên 1 năm đến 5 năm	5.535.612.691	11.512.812.720

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	17.895.623	89.794.444
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.135.363.799	6.667.410.145
	9.153.259.422	6.757.204.589

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	20.055.145	93.862.460
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.324.142.049	6.173.147.183
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(18.411.963)	(71.545.395)
	7.325.785.231	6.195.464.248

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.841.157.266	988.737.628
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.733.750.000	5.118.750.000
	13.574.907.266	6.107.487.628
Trong đó: Nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 31)	11.754.024.246	5.118.750.000

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	7.403.750
Chi phí nhân công	-	4.255.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.121.316	1.414.900
Chi phí khác bằng tiền	100.000	-
	64.221.316	13.073.650

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.459.529	19.556.544
Chi phí nhân công	1.231.432.544	880.219.868
Thuế, phí, và lệ phí	4.000.000	4.669.399
Chi phí dịch vụ mua ngoài	819.558.828	759.806.785
Chi phí khác bằng tiền	-	1.045.502
	2.080.450.901	1.665.298.098
Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 31)	18.908.400	17.850.000

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ chương trình khuyến mãi được hưởng	-	15.656.250
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	25.451.292	727.273
Thu nhập từ bồi thường hợp đồng	168.565.455	-
Thu nhập khác	2.309.985	12.995.090
	196.326.732	29.378.613

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	2.512.069	-
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ thanh lý	13.920.454	-
Chi phí khác	19.224.085	25.467
	35.656.608	25.467

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	13.418.379.364	5.020.200.757
Các khoản điều chỉnh tăng	229.849.069	60.861.000
- Chi phí không hợp lệ	123.611.069	60.861.000
- Thù lao HĐQT không chuyên trách	106.238.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(11.892.926.299)	(5.118.750.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(11.733.750.000)	(5.118.750.000)
- Chuyển lỗ các năm trước	(159.176.299)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.755.302.134	(37.688.243)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	351.060.427	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(77.307.094)	(77.307.094)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	273.753.333	(77.307.094)

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.844.732	31.598.746
Chi phí nhân công	1.255.826.987	884.474.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.162.061.250	6.901.687.860
Chi phí khác bằng tiền	20.300.000	33.757.457
	9.468.032.969	7.851.518.931

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: rủi ro về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Đầu tư ngắn hạn	1.100.000.000	-	-	1.100.000.000
	<u>1.100.000.000</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.100.000.000</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Đầu tư dài hạn	-	1.100.000.000	-	1.100.000.000
	<u>-</u>	<u>1.100.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.100.000.000</u>

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.379.735.126	-	-	1.379.735.126
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.545.781.944	922.187.970	-	6.467.969.914
Các khoản cho vay	21.209.547.081	4.005.000.000	-	25.214.547.081
	<u>28.135.064.151</u>	<u>4.927.187.970</u>	<u>-</u>	<u>33.062.252.121</u>

Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú,
Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	417.349.771	-	-	417.349.771
Phải thu khách hàng, phải thu khác	424.922.323	922.187.970	-	1.347.110.293
Các khoản cho vay	11.109.662.834	5.705.000.000	-	16.814.662.834
	11.951.934.928	6.627.187.970	-	18.579.122.898

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	596.986.353	1.865.245.658	-	2.462.232.011
Chi phí phải trả	279.512.893	-	-	279.512.893
	876.499.246	1.865.245.658	-	2.741.744.904
Tại ngày 01/01/2023				
Phải trả người bán, phải trả khác	539.013.277	1.148.627.590	-	1.687.640.867
Chi phí phải trả	109.644.222	-	-	109.644.222
	648.657.499	1.148.627.590	-	1.797.285.089

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Chíp Sáng và Ashmanov	Công ty con
Công ty Cổ phần Bán dẫn Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	Công ty liên kết
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	Cổ đông lớn

Công ty Cổ phần Chíp Sáng

Lô T2-4 Khu Công nghệ cao, đường D1, phường Hiệp Phú,
Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính riêng

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính	11.754.024.246	5.118.750.000
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	11.754.024.246	5.118.750.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	18.908.400	17.850.000
Công ty TNHH Sacom - Chíp Sáng	18.908.400	17.850.000
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt	529.821.209	388.647.168
Ông Phạm Ngọc Tuấn Chủ tịch HĐQT	36.746.000	15.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Hùng Ủy viên HĐQT	25.397.000	13.000.000
Ông Phạm Trung Kiên Ủy viên HĐQT	13.698.000	4.000.000
Ông Vũ Thái Hà Ủy viên HĐQT	30.397.000	15.000.000
Ông Đặng Duy Hợp Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	379.419.209	316.647.168
Bà Lê Thị Anh Đào Trưởng ban kiểm soát	14.768.000	8.000.000
Ông Ngô Quốc Hùng Thành viên BKS	13.698.000	7.000.000
Ông Tấn Lộc Louis Thành viên BKS	15.698.000	10.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Vũ Việt Hương
Người lập


Vũ Việt Hương
Kế toán trưởng


Đặng Duy Hợp
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2024